

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/KDTM-ST  
Ngày: 29 - 4 - 2026  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tống Văn Tâm.
- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 2000; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Vắng mặt.

2. Ông Đào Thế A, sinh năm 2003; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tầng D, số A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2025).

- Bị đơn: Công ty TNHH X; trụ sở: Thửa đất số 26, tờ bản đồ 38, đường Đ, ấp E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ G, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. Ông Đặng Vũ H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xóm P, xã N, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:*

Công ty TNHH X (viết tắt Công ty X) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (viết tắt V1) theo: Hợp đồng cho vay số CLC-14967-01 ngày 20/03/2024, với số tiền cho vay là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giường, tủ, bàn ghế; Hợp đồng cho vay số CLC-13443-01 ngày 28/02/2024, với số tiền cho vay là: 296.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giường, tủ, bàn ghế.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau: Thế chấp Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 525, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của ông Đặng Vũ H1 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 368603, số vào sổ GCN: CS08521 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/08/2022. Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản nêu trên được thực hiện đúng quy định của pháp luật, theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-13443-14426971-HDTC-01 ký ngày 28/02/2024 lập tại Văn phòng C, số công chứng 1193, quyền số 02/2024. TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Tây Ninh ngày 29/02/2024. Ông Nguyễn Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23239/24/SME/BLCN-01 ngày 28/02/2024. Bên Bảo Lãnh (Ông Nguyễn Văn H) cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Được Bảo Lãnh (Công ty X) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Lãnh đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có); Ông Đặng Vũ H1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23239/24/SME/BLCN-02 ngày 28/02/2024. Bên Bảo Lãnh (Ông Đặng Vũ H1) cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Được Bảo Lãnh (Công ty X) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Lãnh đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 theo các Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ nghĩa vụ của Công ty X bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 20/08/2024.

Tạm tính đến ngày 29/04/2026, Công ty X đã thanh toán cho V1 số tiền, cụ thể: Nợ gốc: 1.142.666.532 đồng, N lãi trong hạn: 25.220.719 đồng, N lãi quá hạn: 407.620.979 đồng, L chậm trả lãi: 4.072.149 đồng, Tổng cộng: 1.579.580.379 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng). đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty X để yêu cầu hoàn trả nợ vay, thực hiện cam kết với V1 nhưng Công ty X cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ của Công ty X cho V1.

Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Công ty X phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ, gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/04/2026 là: cụ thể: Nợ gốc: 1.142.666.532 đồng, N lãi trong hạn: 25.220.719 đồng, N lãi quá hạn: 407.620.979 đồng, L chậm trả lãi: 4.072.149 đồng, Tổng cộng: 1.579.580.379 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

- Kể từ ngày 30/04/2026, Công ty X vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

- Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V1, chi tiết tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 525, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của ông Đặng Vũ H1 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 368603, số vào sổ GCN: CS08521 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/08/2022. Theo Hợp đồng thế chấp số: CLC-13443-14426971-HDTC-01 ký ngày 28/02/2024 được Văn phòng C, quyền số 02/2024. TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Tây Ninh ngày 29/02/2024.

- Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì V1 có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn H, ông Đặng Vũ H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho Công ty TNHH X theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

*Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vũ H1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

**+ Tại phiên tòa:**

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt suốt quá trình tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng. Bị đơn Công ty TNHH X; có địa chỉ đăng ký hoạt động: Thửa đất số 26, tờ bản đồ 38, đường Đ, ấp E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng cho vay số CLC-14967-01 ngày 20/03/2024, với số tiền cho vay là: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giường, tủ, bàn ghế; Hợp đồng cho vay số CLC-13443-01 ngày 28/02/2024, với số tiền cho vay là: 296.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giường, tủ, bàn ghế, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ và số tiền cụ thể: Khế ước nhận nợ số 110624-14426971-ONL-5 số tiền 296.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 210324-14426971-ONL-2 số tiền 1.000.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 140624-14426971-ONL-8 số tiền 200.000.000 đồng. Kể từ khi vay bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi đầy đủ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, kể từ ngày 20/08/2024 thì bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ cho nguyên đơn nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn.

[2.1] Thực hiện hợp đồng tín dụng: Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền bị đơn vay theo đề nghị giải ngân tại khế ước nhận nợ do bị đơn xác lập số tiền là 1.496.000.000 đồng. Sau khi vay bị đơn trả gốc và lãi đầy đủ cho nguyên đơn, tuy nhiên từ tháng 20/08/2024 đến nay không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng do đó chuyển sang nợ quá hạn.

[2.2] Về tiền lãi và mức lãi suất: Hợp đồng tín dụng các bên ký kết thuộc trường hợp vay có lãi, Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng nên có quyền thỏa thuận về lãi suất với khách hàng theo quy định tại Điều 100 của Luật Tổ chức tín dụng, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận dựa trên số nợ gốc và thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Xét thấy, Hợp đồng cho vay số CLC-14967-01 ngày 20/03/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-13443-01 ngày 28/02/2024 và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH X ký kết thuộc trường hợp vay có lãi, Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng nên có quyền thỏa thuận về lãi suất với khách hàng theo quy định tại Điều 100 của Luật Tổ chức tín dụng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi bắt đầu từ ngày 20/08/2024 nên chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là hợp đồng song vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên bị ràng buộc theo hợp đồng tín dụng đã ký, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hợp đồng tín dụng nói trên, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn có quyền thực hiện các biện pháp thu hồi nợ trước hạn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử vụ án 29/4/2026 là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 của Luật Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Về biện pháp bảo đảm và yêu cầu phát mãi tài sản:

Để bảo đảm khoản vay ông Đặng Vũ H1 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CLC-13443-14426971-HĐTC-01 ngày 28/02/2024 được Văn phòng C, quyển số 02/2024. TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Tây Ninh ngày 29/02/2024. Do đó, trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23239/24/SME/BLCN-01 ngày 28/02/2024. Bên bảo lãnh (ông Nguyễn Văn H) cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo Lãnh (Công ty X) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được xác lập bởi bên được bảo lãnh và/hoặc được ký kết giữa bên được bảo lãnh với Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có); Ông Đặng Vũ H1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-

23239/24/SME/BLCN-02 ngày 28/02/2024. Bên bảo lãnh (Ông Đặng Vũ H1) cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty X) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường, thiệt hại, các khoản phải trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được xác lập bởi bên được bảo lãnh và/hoặc được ký kết giữa bên được bảo lãnh với Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có). Do đó, căn cứ Điều 335, 336, 338, 342 Bộ luật dân sự trường hợp Công ty TNHH X không trả đầy đủ số tiền nợ và sau khi phát mại tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán tiền nợ thì ông Nguyễn Văn H, ông Đặng Vũ H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thay cho Công ty TNHH X theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty TNHH X.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 7.000.000 đồng bị đơn phải nộp để trả lại nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 30; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 335, 336, 338, 342, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn Công ty TNHH X về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Công ty TNHH X trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2026 là: 1.579.580.379 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.142.666.532 đồng, N lãi trong hạn: 25.220.719 đồng, N lãi quá hạn: 407.620.979 đồng, L chậm trả lãi: 4.072.149 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH X còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/4/2026 đối với các khoản tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là: Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 525, tờ bản đồ số 8, địa chỉ chi: Xã P, Huyện D, Tây Ninh (nay là xã D, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 368603, số vào sổ GCN: CS08521 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/08/2022.

- Trường hợp Công ty TNHH X Gỡ Tuần K không trả đầy đủ số tiền nợ và sau khi phát mãi tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán tiền nợ thì ông Nguyễn Văn H, ông Đặng Vũ H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thay Công ty TNHH X theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH X phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn phải có trách nhiệm nộp trả lại cho nguyên đơn.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH X phải chịu 59.387.400 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là số tiền 25.596.811 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm mười một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020662 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Cảnh Khang**